TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:126/2023/HS-ST
Ngày: 17-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương

Bà Phạm Thị Thu Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2023/HSST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Châu Thị Mỹ L, sinh năm 1972; bị cáo có vợ Trần Nhật O và 01 con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 29 tháng 4 năm 2022 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại: Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: B11/4B khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, vắng mặt.

Trần Văn T, sinh năm 1988, vắng mặt;

Phạm Toán E, sinh năm 1988, vắng mặt;

Nguyễn Thị Tiểu M, sinh năm 1990, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là nhân viên tại cửa hàng mua bán xe máy Giáp Bình Dương, địa chỉ: 81/1 khu phố 1A, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thuộc công ty TNHH Giáp Bình. T có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982. Ông D là chủ cửa hàng mua bán xe máy Thành Nam, địa chỉ: Kiốt số 4, 119 đường Thủ Khoa Huân, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. T và ông D có thỏa thuận nếu có khách hàng muốn bán xe mô tô cũ thì T sẽ liên hệ với ông D để được báo giá mua lại xe, sau đó T sẽ báo với khách giá mua lại thấp hơn giá ông D để nhằm hưởng phần tiền chênh lệch. Từ khoảng tháng 4/2022, T và ông D đã thực hiện giao dịch mua bán xe khoảng 15 lần. Ngày 28/4/2022, do bản thân cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông D.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/4/2022, bà Nguyễn Thị Tiểu M, sinh năm: 1990, hộ khẩu thường trú: ấp T Hòa B, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 71B4 - 271.14 đến cửa hàng Giáp Bình Dương để sửa chữa và nhờ ông Phạm Toán Em, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Số 66E, đường 10, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh là nhân viên kỹ thuật tại cửa hàng bán xe mô tô trên. Ông Em nhờ T bán giúp xe mô tô của bà M thì T sử dụng điện thoại di động Iphone 6S của T chụp hình ảnh của xe mô tô trên và gửi cho ông D qua ứng dụng Zalo thì được ông D đồng ý mua với giá 40.000.000 đồng. Ông D chuyển 40.000.000 đồng vào số tài khoản: 5205205154637 ngân hàng Agribank của Nguyễn Văn T đứng tên. Sau khi nhận được tiền, T không giao xe mô tô trên cho ông D mà đem xe mô tô của bà M bán tại cửa hàng mua bán xe máy Khoa Phạm, địa chỉ: kiốt số 3, 126/3 khu phố 2, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được số tiền 39.000.000 đồng và sử dụng hết số tiền này.

Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, T sử dụng điện thoại di động Iphone 6S của T chụp hình ảnh xe mô tô hiệu Honda SH 150i biển số 67N1 - 373.62 của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang là nhân viên cùng cửa hàng Giáp Bình Dương gửi cho ông D và nói là xe mô tô của khách cần bán nên ông D tin tưởng và đồng ý mua với giá 68.000.000 đồng. Ông D tiếp tục chuyển 68.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Agribank của T.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục sử dụng điện thoại di động Iphone 6S của T chụp hình ảnh xe mô tô hiệu Vario biển số 71C2 - 673.11 của ông Trần Văn T, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre là nhân viên cửa hàng Giáp Bình Dương gửi cho ông D và nói là xe mô tô của khách

hàng cần bán nên ông D tin tưởng và đồng ý mua với giá 30.000.000 đồng. Ông D tiếp tục chuyển số tiền 30.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Agribank của T. Tổng số tiền ông D đã chuyển cho T là 138.000.000 đồng và T sử dụng hết số tiền này tiêu xài cá nhân. Sau đó, ông D yêu cầu T giao xe mô tô nhưng T không có xe để giao lại cho ông D nên ông D đã trình báo sự việc đến Công an phường Thuận Giao. Cùng ngày 28/4/2022, T đến Công an phường Thuận Giao đầu thú về hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng có gắn sim số thuê bao "0978.715.958".

Đối với số tiền 138.000.000 đồng là tài sản Nguyễn Văn T chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn D, T khai nhận đã tiêu xài vào mục đích cá nhân hết số tiền này nên không thu hồi được. Ông Nguyễn Văn D yêu cầu T bồi thường số tiền 138.000.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 126/CT-VKS -TA ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH 150i biển số 67N1 - 373.62, quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên do ông Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu và hiện tại ông T vẫn đang sử dụng. Ông T không có yêu cầu đối với T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không đề cập xử lý.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Vario biển số 71C2 - 673.11, quá trình điều tra, xác định do Nguyễn Duy Phương, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: 212/AQ, A, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng tên chủ sở hữu. Ngày 10/4/2022 ông Phương đã bán xe mô tô trên cho ông Trần Văn T và ông T vẫn đang sử dụng xe mô tô trên. Ông T không có yêu cầu đối với T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không đề cập xử lý.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển hiệu Honda Airblade số 71B4 - 271.14, quá trình điều tra, xác định do bà Nguyễn Thị Tiểu M đứng tên chủ sở hữu. Ngày 28/4/2022 bà M đến cửa hàng Giáp Bình Dương gặp ông Phạm Toán Em để bảo trì xe mô tô và đồng thời bán xe mô tô trên nên ông Toán Em đã nhờ T bán giúp, ông T bán xe mô tô được 39.000.000 đồng, T đã sử dụng hết số tiền này rồi sau đó về trình báo lại sự việc trên với đại diện cửa hàng xe máy Giáp Bình Dương thì được ông Nguyễn Văn M là quản lý của cửa hàng Giáp Bình Dương đã trả 37.000.000 đồng là tiền bán xe mô tô biển số 71B4 - 271.14 cho bà M. Bà M đồng ý số tiền bán xe mô tô biển số 71B4 - 271.14 với giá 37.000.000 đồng và đã nhận được số tiền này, ngoài ra bà M không có yêu cầu gì khác.

Đối với số tiền 37.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn M là đại diện của cửa hàng Giáp Bình Dương trả cho bà Nguyễn Thị Tiểu M, quá trình điều tra, xác định

Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn M đã có thỏa thuận về sự việc trên, đồng thời ông M không yêu cầu T bồi thường lại số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng có gắn sim số thuê bao "0978.715.958", quá trình điều tra, xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn T và T sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D số tiền 138.000.000đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại biên bản tiếp nhận người đầu thú ngày 28/4/2022 (BL 01) bản tự khai ngày 28/4/2022 (BL 61) đối với Nguyễn Văn T, biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022, ngày 06/5/2022, (BL 78 - 81) và biên bản hỏi cung ngày 10/5/2022 (BL 76). Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/4/2022 Nguyễn Văn T là nhân viên tại cửa hàng mua bán xe máy Giáp Bình Dương đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức chụp hình ảnh xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 71B4 - 271.14 do bà Nguyễn Thị Tiểu M đứng tên, xe mô tô hiệu Honda SH 150i biển số 67N1 - 373.62 của ông Nguyễn Văn T và xe mô tô hiệu Vario biển số 71C2 - 673.11 của ông Trần Văn T quản lý để gửi qua ứng dụng zalo cho ông D, để ông D tin tưởng có người bán xe và ông D chuyển tiền cho T. Qua hình ảnh xe T chụp gửi cho ông D thì ông D đã chuyển cho T 03 lần tiền, cụ thể lần đầu 40.000.000đồng, lần 2: 68.000.000 đồng và lần 3: 30.000.000đồng qua số tài khoản 5205205154637 ngân hàng Agribank của Nguyễn Văn T. Sau khi nhận được tiền, T không giao các xe mô tô trên cho ông D. Tổng số tiền ông D đã chuyển cho T là 138.000.000 đồng và T sử dụng hết số tiền này tiêu xài cá nhân. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại

địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nếu thực hiện sẽ bị trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lượng hình: Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng có gắn sim số thuê bao "0978.715.958", quá trình điều tra, xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn T và T sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn D số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm bồi thường thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu trắng có gắn 01 một sim điện thoại có số thuê bao "0978.715.958" của bị cáo Nguyễn Văn T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2023 giữa Công an thành phố Thuận An và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo